TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:132/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3248/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc A, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, Hải Phòng, vắng mặt;

Bị đơn: Anh Lê Đức T, nơi cư trú: Tai Chung, Fenynua Chuy, Fengsulu 1 Foan 487 Hao, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị Bùi Ngọc A trình bày:

Chị và anh Lê Đức T kết hôn tự nguyện và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, Hải Phòng vào ngày 29 tháng 3 năm 2012. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2015 chị đi lao động tại Nhật Bản và anh T cũng đi lao động tại Đài Loan. Và từ năm 2015 vợ chồng sống ly thân mặc dù vẫn liên lạc với

nhau qua điện thoại nhưng tình cảm vợ chồng không còn vì giữa hai vợ chồng thường xảy ra những xích mích không thể hòa giải và hiểu nhau. Bản thân anh T cũng đã có người phụ nữ khác. Do vậy, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn để có cơ hội giải phóng cho nhau và tìm hạnh phúc mới. Do chị phải trở về Nhật Bản để làm việc nên chị yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt chị. Các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu gửi về địa chỉ của bà Đinh Thị Th, cư trú tại số nhà 385, tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, Hải Phòng.

Về con: Chị và anh Tcó một con chung Lê Đức Chấn H, sinh này 01 tháng 12 năm 2012. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin ly hôn, đơn đề nghị ngày 30 tháng 7 năm 2018, ngày 29 tháng 8 năm 2018 của bị đơn là anh Lê Đức T trình bày:

Anh T thống nhất lời khai của chị Ngọc A về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng do quá trình làm việc cách trở mỗi người ở một nơi nên anh không thể chăm sóc giao lưu tình cảm với vợ được. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh thấy tình cảm vợ chồng đến nay không còn và vợ chồng đã bàn bạc và nhất trí yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để mỗi người giải phóng cho nhau, có cơ hội tìm kiếm hạnh phúc mới, làm ăn kinh tế. Do anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên anh yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh. Mọi thông tin về việc giải quyết vụ án, anh yêu cầu Tòa án gửi về cho bố mẹ anh là ông Lê Đức V và bà Đường Thị B, nơi cư trú tại tổ dân phố B, phường B, quận Đ, Hải Phòng.

Về con: Anh đồng ý giao con chung Lê Đức Chấn H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 10 năm 2018 của bà Đường Thị B là mẹ đẻ của anh Lê Đức T trình bày:

Năm 2012, anh Lê Đức T và chị Bùi Ngọc A đã được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, Hải Phòng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã sinh được một con chung là Lê Đức Chấn H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012. Sau đó, do điều kiện kinh tế khó khăn, anh T phải đi lao động ở Đài Loan, Trung Quốc để lo cho kinh tế gia đình. Do anh T làm việc ở xa nên có liên lạc về gia đình thông báo, trao đổi cụ thể với vợ chồng bà B và cũng thống nhất với chị Ngọc A sẽ ly hôn để giải phóng cho nhau và tìm hạnh phúc mới. Bà B

được anh T thông báo là vào ngày 30 tháng 7 năm 2018, ngày 29 tháng 8 năm 2018, anh T có viết và gửi đơn xin ly hôn và đơn đề nghị về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Bà B yêu cầu Toà án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngọc A.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, chị Bùi Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh Lê Đức T có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 101/KLGĐ-PC09 ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận chữ ký chữ viết của anh Lê Đức T trên tài liệu cần giám định là đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 7 năm 2018 và tài liệu mẫu so sánh tại đơn đề nghị ghi ngày 30 tháng 7 năm 2018, Giấy chứng nhận kết hôn, Sơ yếu lý lịch tự thuật có chữ ký chữ viết của anh Lê Đức T do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Toà án thu thập chứng cứ đối với đương sự là bị đơn ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên toà, nhận thấy anh T và chị Ngọc A đều sống ở nước ngoài và hai nước khác nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để xử cho chị Ngọc A được ly hôn anh Tuấn. Về con chung: giao con Lê Đức Chấn H cho chị Ngọc A nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc thụ lý đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Do anh Lê Đức T đang cư trú tại Đài Loan nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Bùi Ngọc A và Lê Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Ngọc A và Lê Đức T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc A và anh Lê Đức T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau một thời gian chung sống, anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2015 do mỗi người ở một nơi, không có thời gian và điều kiện chăm sóc nhau thường xuyên. Chị Ngọc A nghi ngờ anh T có người phụ nữ khác. Anh T và chị Ngọc A đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cùng yêu cầu

Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, không tiến hành hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ngọc A và anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Ngọc A.

[5] Về con chung: Chị Ngọc A và anh T thỏa thuận giao con chung Lê Đức Chấn H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi, chăm sóc và tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[6] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 473, Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc A và anh Lê Đức T được ly hôn.

2. Về con: Giao con chung Lê Đức Chấn H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 cho chị Bùi Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ngọc A đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0010987 ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Ngọc A và anh Lê Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung

năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND phường Bàng La; Đồ Sơn;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp